TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25/8/2025
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Mộng Linh.
2. Ông Huỳnh Ngọc Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Nguyễn Nhứt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quí – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1998; Địa chỉ: TAHB1, xã NG, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Anh Đoàn Văn T, sinh năm 1996; Địa chỉ: 30/3 ấp TH A, xã TH, tỉnh Vĩnh Long.

Chị T và anh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn trình bày ý kiến nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Vào năm 2020 chị và anh T tự nguyện tìm hiểu với nhau và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã NK, huyện TN, tỉnh Quãng Ngãi và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/11/2020. Chị và anh T có 01 con chung tên Đoàn Hữu T, sinh ngày 28/11/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc với nhau nhưng không lâu sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không có Tg nói chung, không cùng quan điểm về cách sinh hoạt, thường xuyên xảy ra tranh cãi làm cho cuộc sống không hạnh phúc, quan hệ vợ chồng trở nên căng thẳng. Chị và anh T không còn sống chung từ năm 2021. Nhận thấy việc kéo dài thời gian chung sống không còn được tôn trọng, tình cảm vợ chồng đã

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không thể kéo dài. Vì vậy, chị yêu cầu:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh T. Sau khi ly hôn chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho chị.

- Về con chung: Do con chung từ nhỏ sống chung với chị nên chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21/7/2025 bị đơn anh Đoàn Văn T trình bày:

Về phần kết hôn anh thống nhất như lời trình bày của chị T, khoảng 06 năm nay anh và chị T xảy ra mâu thuẫn, chị T về nhà cha mẹ ruột ở nên chị T và anh không còn sống chung từ đó cho đến nay. Hiện con chung sống chung với chị T. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh không có ý kiến gì tuỳ chị T quyết định do anh và chị T không còn sống chung đã lâu tình cảm cũng không còn.

- Về con chung: Anh đồng ý giao con chung Đoàn Hữu T, sinh ngày 28/11/2020 cho chị T trực tiếp nuôi, anh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 53, 56; Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Đoàn Văn T cư trú tại ấp TH A, xã TH, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Văn T có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt chị T và anh T.

[4] Về hôn nhân: Năm 2020 chị T và anh T tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã NK, huyện TN, tỉnh Quãng Ngãi và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/11/2020. Do đó, việc kết hôn và đăng ký kết hôn của chị T và anh T là phù hợp với quy định của pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T cho rằng nguyên nhân chị yêu cầu ly hôn với anh T là do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không có Tg nói chung, không cùng quan điểm về cách sinh hoạt, thường xuyên xảy ra tranh cãi làm cho cuộc sống không hạnh phú, quan hệ vợ chồng trở nên căng thẳng. Anh T cho rằng khoảng 06 năm nay anh và chị T xảy ra mâu thuẫn, chị T về nhà cha mẹ ruột ở nên chị T và anh không còn sống chung từ đó cho đến nay.

Xét thấy: Từ khi chị T và anh T không còn sống chung đến nay không ai quan tâm ai, anh T cũng thừa nhận hiện nay tình cảm giữa anh và chị T cũng không còn. Do đó, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T đã lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do chị T và anh T không yêu cầu cấp dưỡng vợ và chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

[5] Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung Đoàn Hữu T, sinh ngày 28/11/2020. Thấy rằng, từ khi chị T và anh T không còn sống chung, chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh T đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi. Lẽ đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị T. Do chị T không yêu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Anh Đoàn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần Tết anh Đoàn Văn T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Thị T có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: Do chị T và anh T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Do chị T và anh T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 53, 56, 81, 82 và Điều 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đoàn Văn T. Do chị T và anh T không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng vợ và chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi con chung Đoàn Hữu T, sinh ngày 28/11/2020. Do chị T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Anh Đoàn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần Tết anh Đoàn Văn T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Thị T có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Do chị T và anh T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Do chị T và anh T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011094 ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Chi cục T hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Vân

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 9-Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- T hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- UBND xã Nghĩa Giang, tỉnh Quãng Ngãi;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Miêng-Lê Mộng linh **Trần Thị Vân**

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Vân